TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** Tỉnh Bến Tre Bản án số: **52**/2024/DS-ST Ngày: 22/4/2024 V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 516/2023/TLST-DS ngày 14/11/2023 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973. Nơi cư trú: số 7/4, ấp A T, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Mai: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số 53/6, ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1969 và Bà Mai Thị C, sinh năm 1973. Cùng cư trú: số 70/5, ấp A H B, xã M A, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/10/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mcó mua bán thuốc thức ăn nuôi tôm cho ông Lê Văn N, bà Mai Thị C để phục vụ kinh tế gia đình. Hình thức hai bên thoả thuận là bà Mai bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì ông N, bà Ctrả nợ. Tính đến ngày 24/4/2016 thì ông N, bà Ccòn nợ bà M tổng số tiền là 34.090.000 (Ba mươi bốn triệu, không

trăm chín mươi nghìn) đồng. Từ khi chốt nợ đến nay ông N, bà C không thực hiện trả nợ cho bà M, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M.

Nay bà Myêu cầu Tòa án nhân dân huyện P xem xét giải quyết buộc ông Lê Văn Nvà bà Mai Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Msố tiền 34.090.000 (Ba mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Bà Mxin rút lại yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2024 ông Lê Văn N, bà Mai Thị Ctrình bày:

Ông bà thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua bán thuốc thức ăn nuôi tôm tính đến ngày 24/4/2016 là 34.090.000 (Ba mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng, ông bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Msố tiền này nhưng do bà Mkhông có gặp mặt ông bà để trao đổi thảo thuận mà trực tiếp khởi kiện đến Toà án nên ông, bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà M.

Do bận công việc làm ăn không thể tham gia tố tụng tại Toà án được nên ông bà yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 217 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 288, 430 và 440 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc ông Lê Văn N và bà Mai Thị Cliên đới thanh toán cho bà Mai 34.090.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm và đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi do nguyên đơn bà M tự nguyện rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mtranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Lê Văn Nvà bà Mai Thị Ctheo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mlà ông Nguyễn Văn Ccó đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn N và bà Mai Thị Ccó yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mvới bị đơn ông Lê Văn Nvà bà Mai Thị C được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Qua tố tụng bị đơn ông Lê Văn N và bà Mai Thị C đã thừa nhận hiện nay ông Nvà bà C còn nợ của bà Nguyễn Thị Mtiền mua bán thuốc thức ăn nuôi tôm là 34.090.000 (Ba mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn không phải chứng minh. Ông Nvà bà C đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Msố tiền này nhưng ông bà cho rằng do bà M không có gặp mặt ông bà để trao đổi thảo thuận mà trực tiếp khởi kiện đến Toà án nên ông, bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà M. Lý do mà ông Nay, bà C đưa ra là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc ông Lê Văn N và bà Mai Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai số tiền 34.090.000 (Ba mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Bà M rút yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về án phí: Buộc ông N, bà Ccó nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 1.704.500 (Một triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92 147, 228, khoản 2 Điều 244, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Lê Văn N, bà Mai Thị Ccó nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 34.090.000 (Ba mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của bà Mai.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn N, bà Mai Thị C có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 1.704.500 (Một triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị M được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 853.000 (Tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000319, ngày 13 tháng 11 năm 2023.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).